

Số: 497/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 9, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 449/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông Vũ T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số j Đường m, tổ 6, khu phố 5, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Dương Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số k Đường y, phường Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Vũ T và bà Dương Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156 quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T bà Q là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông T bà Q chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng: vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng trong cách sống, cách nuôi dạy con cái cũng như trong mối quan hệ với gia đình

hai bên, khiến cho cuộc sống hôn nhân luôn ngọt ngào, căng thẳng. Ông T bà Q đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T bà Q mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Xét tình trạng hôn nhân giữa ông T bà Q đã trầm trọng, cuộc sống chung thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Ông T bà Q xác định không còn tình cảm vợ chồng nên việc ông T bà Q yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ T1, sinh ngày 17/9/2015 và Vũ G, sinh ngày 01/4/2019; Ông T bà Q thỏa thuận: Giao con chung tên Vũ T1 cho ông Vũ T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Dương Q không cấp dưỡng nuôi con; Giao con chung tên Vũ G cho bà Dương Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Vũ T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tiền cấp dưỡng do hai bên tự giao nhận với nhau vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi trẻ G đủ 18 tuổi.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thỏa thuận này của ông T bà Q là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông T bà Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T bà Q tự khai không có.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ T và bà Dương Q thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 156 Quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2013 cho ông Vũ T, bà Dương Q không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ T1, sinh ngày 17/9/2015 và Vũ G, sinh ngày 01/4/2019;

Giao con chung tên Vũ T1 cho ông Vũ T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Dương Q không cấp dưỡng nuôi con;

Giao con chung tên Vũ G cho bà Dương Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Vũ T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tiền cấp dưỡng do hai bên tự giao nhận với nhau vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi trẻ G đủ 18 tuổi.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T bà Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T bà Q tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Vũ T, bà Dương Q mỗi người chịu một nửa, được căn trừ vào 300.000 đồng ông T, bà Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013723 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T, bà Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS Q.9
- UBND P Hiệp Phú, Quận 9, TP HCM;
- VKSND Q.9;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hới